

Bản án số: 86/2021/HS-PT

Ngày: 28/9/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Yền.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Thanh Tuấn và ông Nguyễn Văn Sơn.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:

Ông Đỗ Văn Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 107/2021/TLPT-HS ngày 14 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Tuấn A do có kháng cáo của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2021/HSST ngày 03/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hải Dương.

***Bị cáo bị kháng cáo (do bị hại kháng cáo):**

1. Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1991 tại xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương; nơi ở: thôn P, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K và con bà Nguyễn Thị L; vợ là Nguyễn Thị L1, sinh năm 1992; có 01 con sinh năm 2018; Tiền sự: Ngày 30/8/2019, Công an tỉnh Hải Dương ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau; Nhân thân: Ngày 29/11/2000, Công an huyện C, tỉnh Hải Dương xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau; Bản án số 17/2012/HSST ngày 26/6/2012, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 12 tháng tù về tội “Tàng trữ, sử dụng vũ khí quân dụng”; Bản án số 36/2014/HSST ngày 27/8/2014, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 30 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” (bị cáo chấp hành xong đều đã xóa); Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/9/2020 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương; Có mặt.

2. Vũ Văn Q, sinh năm 1990 tại thị trấn C, huyện N, tỉnh Bắc Giang; Nơi ở: khu H, thị trấn C, huyện N, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc Kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Vũ Mạnh C và con bà Vũ Thị G; chưa có vợ; tiền án: không; Tiền sự: Ngày 30/8/2019, Công an tỉnh Hải Dương ra Quyết định xử phạt vi phạm hành

chính về hành vi đánh nhau; Nhân thân: Bản án số 06/2014/HSST ngày 24/01/2014, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (đã xóa); Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/9/2020 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương; Có mặt.

3. Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1995 tại xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình; nơi ở: Xóm 1, thôn A, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc Kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc D và con bà Nguyễn Thị T; vợ là Phùng Thị C, sinh năm 1998 (đã ly hôn năm 2020); có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: chưa; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/4/2021; chuyển tạm giam từ ngày 10/4/2021 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương; Có mặt.

4. Nguyễn Văn H, sinh năm 1990 tại xã M1, huyện H, tỉnh Hải Dương; nơi ở: thôn M2, xã M1, huyện H, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc Kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và con bà Nguyễn Thị T; chưa có vợ; tiền án, tiền sự: chưa; Nhân thân: Ngày 30/3/2010, Công an huyện H, tỉnh Hải Dương ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Hủy hoại tài sản; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/10/2020; chuyển tạm giam từ ngày 23/10/2020 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương; Có mặt.

5. Lò Văn V, sinh năm 1995 tại thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu; nơi ở: Bản Nậm Bậy, thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc Thái; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Lò Văn Đăm và con bà Lò Thị Thiện; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: chưa; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/10/2020; chuyển tạm giam từ ngày 23/10/2020 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương; Có mặt.

6. Bùi Văn K, sinh năm 1993 tại xã L1, huyện L2 tỉnh Vĩnh Phúc; nơi ở: thôn B, xã L1, huyện L2, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc Kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Bùi Văn Hải và con bà Đỗ Thị Vinh; chưa có vợ; tiền án: không; Tiền sự: Ngày 30/8/2019, Công an tỉnh Hải Dương xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau; Nhân thân: Ngày 19/6/2014, Tòa án nhân dân huyện L2, tỉnh Vĩnh Phúc ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/10/2020; chuyển tạm giam từ ngày 23/10/2020 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương; Có mặt.

****Bị cáo kháng cáo:***

Phạm Huy N, sinh năm 1992 tại xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương; nơi ở: thôn A, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 11/12; dân tộc Kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con

ông Phạm Xuân L và con bà Phạm Thị T; vợ là Trần Thị N, sinh năm 1993; có 02 con (lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2020); tiền án: không; Tiền sự: Ngày 30/8/2019, Công an tỉnh Hải Dương ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau; Bị cáo tại ngoại; Vắng mặt.

***Bị hại kháng cáo:** Anh Nguyễn Văn S (tên gọi khác là M), sinh năm 1986; trú tại: thôn Q, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương; Có mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo:** Chị Hoàng Thị Y, sinh năm 1986; trú tại: thôn Q, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương; Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh S, chị Y: Luật sư B – Văn phòng luật sư Đoàn Minh thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hải Dương; Có mặt.

Vụ án còn 01 bị cáo Nguyễn Duy M không kháng cáo. Bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Tuấn A là bạn xã hội của Vũ Văn Q, Nguyễn Duy M, Phạm Huy N, Nguyễn Văn H, Bùi Văn K, Lò Văn V, Nguyễn Ngọc T. Trưa ngày 23/8/2020, anh Nguyễn Văn S (là bạn xã hội với Tuấn A) và anh Nguyễn Bá L ngồi uống bia tại nhà ông O (bố vợ anh S, ở cùng thôn). Anh L gọi điện bảo M (M là quản lý nhân viên nữ phục vụ các quán hát Karaoke trên địa bàn huyện C) cho anh L đưa nhân viên nữ từ Bắc Ninh sang huyện C làm thì M nói phải trao đổi với Tuấn A. Anh S ngồi cạnh nghe thấy M nói vậy thì cầm điện thoại của anh L nói: *tao không hài lòng với nhóm của Tuấn A nhiều việc rồi, không việc gì phải hỏi Tuấn A, Tuấn A chỉ là con tao.*

Đến tối cùng ngày, Tuấn A cùng M, H, N, Q, C, D hát Karaoke tại khu vực huyện V, tỉnh Hưng Yên. Tại đây, M kể lại cho Tuấn A nghe nội dung anh S đã nói. Tuấn A bức xúc gọi ngay điện thoại cho anh S nhưng không được, nên gọi cho chị Y là vợ anh S để gặp anh S. Quá trình nói chuyện Tuấn A và anh S chửi bới, thách thức nhau, Tuấn A nói: *mày muốn làm bố tao thì mở cổng, tao về nhà mày bây giờ.* Ngay lúc đó, Tuấn A bảo với anh em có mặt là: *đi về nhà S xem ai là bố, ai là con thì tất cả đồng ý và đi về phòng trọ của M tại thôn B, xã Đ, huyện C.*

Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, Tuấn A, M, H, N, Q, C, D về đến phòng trọ thì gặp V, K, T đang ngồi chơi tại sân. Tuấn A bảo V: *mang cho anh con dao.* V đi vào phòng trọ lấy ra 1 túi dứa bên trong đựng dao, gậy bóng chày, tuýp sắt để xuống sân rồi lấy 1 thanh dao bằng kim loại dài khoảng 70cm, chuôi khoảng 15cm, lưỡi dao cong, mũi nhọn đưa cho Tuấn A. Tuấn A cầm dao, nói: *Tất cả ở nhà, việc này để một mình anh giải quyết, không thằng nào được đi theo thì có người nói: Thế thì không được, thằng này lão phải lên đánh cho nó một trận(không xác định*

được ai nói); Tuấn A nói lại *Anh nói chúng mày không nghe à rồi cầm dao đi xe mô tô dựng sẵn ở sân phòng trọ đến nhà anh S. Cùng lúc, Q nói: Đi thì cùng đi;* thì N lấy 01 xe mô tô để ở sân đi theo Tuấn A, thấy vậy K cầm dao kim loại dài khoảng 45cm, chuôi dài khoảng 10cm ngồi sau xe của N; V lấy xe mô tô ở sân phòng trọ chở H ngồi sau cầm gậy bóng chày và tuýp sắt; M đi xe mô tô cầm dao bằng kim loại; T, Q và 1 số người khác đi xe mô tô và ô tô nhãn hiệu Hyundai Elantra màu trắng, BKS 17A-155.48 của M đi theo đến nhà anh S (trước khi đi có người để túi dứa đựng hung khí vào cốp xe).

Khoảng 23 giờ 45 phút cùng ngày, Tuấn A có mặt trước cổng nhà anh S, dựng xe cầm dao và gọi: *M1 ơi mày ra đây* (nhà anh S đã mở sẵn cổng sắt và cửa gỗ vào nhà chính). Anh S nhìn thấy Tuấn A cầm dao thì quay vào nhà cầm 1 dao quắm đi ra cổng, giữa Tuấn A và anh S có lời nói thách thức, chửi nhau. Lúc đó N và K đi đến dựng xe trước cổng, thấy Tuấn A và anh S cầm dao và dao quắm đứng cãi nhau ở cổng thì K vào túm giữ tay trái anh S, N túm giữ tay phải anh S (đang cầm dao quắm). Liên lúc đó Tuấn A tát vào mặt anh S 01 cái thì N và K giữ tay đẩy anh S từ cổng vào trong lán xe, N giằng dao quắm trong tay anh S để vào góc lán. Lúc này các xe mô tô đến sau dựng rải rác trên đường ngõ vào nhà anh S, xe ô tô của M đỗ tại đầu ngõ, cách nhà anh S khoảng 70m. Tất cả cầm theo hung khí đi bộ, nói to vào nhà anh S. Khi bị N giằng dao, anh S vừa đi ra phía cổng vừa chửi Tuấn A thì bị Tuấn A cầm gậy bóng chày bằng kim loại dài khoảng 70cm, đường kính 5cm vụt vào mặt; Q, H cầm gậy bóng chày như của D; V, T, C cầm tuýp sắt dài khoảng 80cm, đường kính 2,5cm; K cầm dao, tất cả xông vào vụt đánh anh S. Anh S bỏ chạy vào trong nhà đến cửa hậu, không chạy được nữa thì bị Q, H, D dùng gậy bóng chày, T dùng tuýp sắt vụt và dùng chân tay đấm đá anh S; K, D, V dùng chân tay đấm đá vào người và mặt anh S. Thấy anh S bị chảy máu nhiều trên mặt, Tuấn A bảo mọi người không đánh nữa và đến gần anh S nói: *Mày còn thích làm bố tao nữa không*, thì anh S trả lời *Tao không bao giờ xin chúng mày*. Mọi người trong nhóm định đánh anh S tiếp nhưng Tuấn A gạt tay ngăn lại, anh S nói *Tao còn là anh thằng Tuấn A* thì Tuấn A dùng tay phải tát vào mặt anh S 01 cái và nói *từ giờ mày không còn là anh tao nữa rồi* đi ra phòng khách. H xốc nách anh S kéo ra ghế phòng khách. Lúc này M cầm dao đứng ở cửa nhà anh S nhìn thấy có mắt camera đã hô lên có camera kia. Tuấn A nhìn thấy dây camera trên tường trong nhà đã bảo mọi người giật dây camera, tìm đầu thu. V, Q, N, C, D giật dây camera, tìm đầu thu nhưng không thấy, anh S nhào người ra ngăn cản việc tìm đầu thu thì bị Q, V, K, H, C, D đấm đá vào mặt, vào người anh S, rồi cả nhóm bỏ ra về. Khi đi ra đến cửa M chỉ cho N thấy mắt camera trên góc lán xe, N dùng gậy ở lán xe chọc mắt camera rơi xuống tìm thẻ nhớ nhưng không thấy nên đã bỏ lại mắt camera và đi về. Tuấn A bảo mọi người đi về phòng trọ của M, sau đó tất cả bỏ

trốn. Anh S được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương. Ngày 20/10/2020 và ngày 08/4/2021, K, V, H, T đầu thú.

Khi Tuấn A đến chửi bới và cùng đồng phạm đánh anh S, chị Y (vợ anh S) sợ hãi chạy lên tầng 3, trèo sang nhà hàng xóm ẩn nấp; vợ chồng anh Phạm Văn H1 và chị Nguyễn Thị H2; ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Văn K1, chị Nguyễn Thị H3, đều là hàng xóm của anh S đang ngủ thấy âm ỉ đã dậy ra xem, chứng kiến sự việc.

Vật chứng thu được: 01 thanh kim loại hình trụ tròn dạng ống màu xám, dài 80cm, đường kính 2,5cm; chị Y giao nộp 01 đầu thu camera; 01 USB có lưu giữ đoạn video hình ảnh anh S bị đánh.

Không quản lý được dao, gậy bóng chày, tuýp sắt của các bị cáo; dao quắm, mắt camera của anh S; không quản lý được chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Elantra màu trắng, BKS 17A-155.48 của M và các xe mô tô các bị cáo sử dụng làm phương tiện đi đến nhà anh S;

Ủy ban nhân dân và các tổ chức chính trị xã hội xã L, huyện C có đơn đề nghị xử lý nghiêm vụ việc.

Ngày 03/9/2020, anh S có đơn yêu cầu khởi tố Tuấn A và những người đã gây thương tích cho anh; yêu cầu các bị cáo bồi thường tiền thuốc, viện phí, tổn hại sức khỏe, tổn hại tinh thần và tiền công người chăm sóc, tổng là 60.000.000đ.

Kết luận giám định pháp y số 256 ngày 14/9/2020, Phòng giám định pháp y, Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương kết luận: Chấn thương gây thủng màng nhĩ tai trái, hiện còn thủng màng nhĩ tai trái, nghe kém mức độ nhẹ tai trái; tổn thương có đặc điểm do vật tày gây ra; được xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra là 3%. Sẹo vết thương phần mềm đầu ngoài trên cung lông mày trái và mí mắt phải kích thước nhỏ; các đặc điểm do vật sắc gây ra; được xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra là 3%. Sẹo vết thương mặt sau tai trái kích thước nhỏ, các đặc điểm do vật sắc gây ra, được xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra là 1%. Chấn thương gây xuất huyết, bầm tụ máu quanh 2 mắt (thị lực 2 mắt giảm, không đủ yếu tố kết luận do chấn thương gây ra); căn cứ vào thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp ý tâm thần thì không xác định được tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra (không phần trăm). Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 10%.

Kết luận giám định số 7665/C09-P6 ngày 30/11/2020, Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong tệp video mẫu cần giám định.

Công văn số 03 ngày 25/12/2020 và Công văn số 01 ngày 29/01/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND huyện C kết luận: không có đủ

cơ sở, căn cứ để định giá tài sản mất camera an ninh theo trung cầu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C vì không rõ đặc điểm, nhãn hiệu, số loại, không có hóa đơn chứng từ mua bán, tài sản chưa thu hồi được.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 37/2021/HS-ST ngày 03/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện C đã căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự (BLHS); xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn A 06 (*sáu*) tháng tù về tội Cố ý gây thương tích và 26(*hai mươi sáu*) tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng; tổng hợp hình phạt của 2 tội, buộc bị cáo phải chấp hành là 32(*ba mươi hai*) tháng tù; thời hạn tính từ ngày bắt tạm giam 07/9/2020.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự, Xử phạt bị cáo Vũ Văn Q 06(*sáu*) tháng tù về tội Cố ý gây thương tích và 26(*hai mươi sáu*) tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng; tổng hợp hình phạt của 2 tội, buộc bị cáo phải chấp hành là 32(*ba mươi hai*) tháng tù; thời hạn tính từ ngày bắt tạm giam 07/9/2020.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 06 (*sáu*) tháng tù về tội Cố ý gây thương tích và 24(*hai mươi tư*) tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng; tổng hợp hình phạt của 2 tội, buộc bị cáo phải chấp hành là 30(*ba mươi*) tháng tù; thời hạn tính từ ngày tạm giữ 09/4/2021.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2(bị cáo đầu thú) Điều 51; Điều 55; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 06 (*sáu*) tháng tù về tội Cố ý gây thương tích và 25(*hai mươi năm*) tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng; tổng hợp hình phạt của 2 tội, buộc bị cáo phải chấp hành là 31(*ba mươi mốt*) tháng tù; thời hạn tính từ ngày tạm giữ 20/10/2020.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2(bị cáo đầu thú) Điều 51; Điều 55; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Văn V 06(*sáu*) tháng tù về tội Cố ý gây thương tích và 25(*hai mươi lăm*) tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng; tổng hợp hình phạt của 2 tội, buộc bị cáo phải chấp hành là 31(*ba mươi mốt*) tháng tù; thời hạn tính từ ngày tạm giữ 20/10/2020.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2(bị cáo đầu thú) Điều 51; Điều 55; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Văn K 06 (*sáu*) tháng tù về tội Cố ý gây thương tích và 25(*hai mươi lăm*) tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng; tổng hợp hình phạt của 2 tội, buộc bị cáo phải chấp hành là 31(*ba mươi mốt*) tháng tù; thời hạn tính từ ngày tạm giữ 20/10/2020.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm t, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Huy N 24 (hai mươi tư) tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng; thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 590 Bộ luật dân sự: Buộc các bị cáo Nguyễn Tuấn A, Vũ Văn Q, Nguyễn Văn H, Bùi Văn K, Lò Văn V, Nguyễn Ngọc T phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Văn S tổng số 17.458.000 đồng, bao gồm các khoản chi phí cứu chữa vết thương theo quy định của pháp luật; mỗi bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường là 2.909.666 đồng.

Chấp nhận sự tự nguyện của các bị cáo Nguyễn Tuấn A, Vũ Văn Q, Nguyễn Văn H, Bùi Văn K, Lò Văn V, Nguyễn Ngọc T, bồi thường cho anh Nguyễn Văn S tổng số 25.000.000đ (trong đó có cả trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật là 17.458.000đ). Anh Nguyễn Văn S được nhận số tiền bồi thường này tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, theo biên lai thu số AA/2011/0003933 ngày 28/7/2021 do chị Nguyễn Thị L1 nộp hộ. Các bị cáo đã thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường.

Ngoài ra bản án còn áp dụng điều luật, tuyên hình phạt đối với bị cáo M, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/8/2021 bị hại anh Nguyễn Văn S kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo phạm tội Cố ý gây thương tích và tăng mức bồi thường trách nhiệm dân sự.

Ngày 10/8/2021, chị Hoàng Thị Y là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo đề nghị xem xét tài sản của gia đình chị là mất camera bị các bị cáo chọc vỡ.

Ngày 13/8/2021, bị cáo N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo. Trước khi mở phiên tòa, N đã có đơn xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa đều xác định bản án sơ thẩm đã xét xử đúng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Mức hình phạt và bồi thường mà cấp sơ thẩm tuyên là phù hợp nên các bị cáo không đồng ý với kháng cáo của bị hại.

Bị hại anh Nguyễn Văn S giữ nguyên các nội dung kháng cáo đề nghị tăng hình phạt các bị cáo phạm tội Cố ý gây thương tích, tăng mức bồi thường theo bảng kê đã nộp tại phiên tòa phúc thẩm, tổng cộng là 74.380.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị Y trình bày: Ngoài gây thương tích cho anh S, các bị cáo còn phá hỏng mất Camera của gia đình chị, nên chị giữ nguyên kháng cáo yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tài sản trên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh S, chị Yến: Luật sư B trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn là do M truyền đạt lại cho Tuấn A về việc L điện

thoại cho M và S khi đó say nói qua điện thoại nhưng không đầy đủ sự việc. Bản án sơ thẩm xác định bị hại có lỗi là không đúng. Các bị cáo khác không có mâu thuẫn gì với anh S, nhưng mang theo hung khí cùng Tuấn A đến nhà bị hại gây thương cho anh S, nên theo Công văn 38 của Tòa án tối cao ngày 06/01/1976 cần áp dụng thêm tình tiết phạm tội có tính chất côn đồ theo điểm i khoản 1 Điều 134 BLHS. Do vậy đề nghị tăng mức hình phạt đối với các bị cáo theo đề xuất của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa và cần xem xét việc bỏ lọt tội gây thương đối với bị cáo N, M. Đối với kháng cáo tăng bồi thường: Bị hại đã cung cấp đầy đủ hóa đơn chứng từ về chi phí điều trị, nhưng bản án sơ thẩm lại trừ đi bảo hiểm khi tính bồi thường là trái với quy định bồi thường toàn bộ của Bộ luật dân sự. Các yêu cầu bồi thường do bị hại nộp tại bảng kê, tổng cộng là 74.380.000 đồng đã có căn cứ, đề nghị HĐXX chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh tham gia phiên tòa sau khi phân tích các tình tiết trong vụ án xác định cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Tuấn A, bị cáo Vũ Văn Q, bị cáo Nguyễn Văn H, bị cáo Bùi Văn K, bị cáo Lò Văn V, bị cáo Nguyễn Ngọc T, phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm a khoản 1 Điều 134 BLHS và tội Gây rối trật tự công cộng theo điểm b khoản 2 Điều 318 BLHS; Bị cáo M, N về tội Gây rối trật tự công cộng theo điểm b khoản 2 Điều 318 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị cáo N có kháng cáo nhưng đã rút kháng cáo, Tòa án đã ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm là phù hợp. Xét kháng cáo của anh S, chị Y: Cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ “*Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo phạm tội Cố ý gây thương tích là không đúng. Mức án đối với tội gây thương đối với các bị cáo đều xử phạt 06 tháng tù là chưa cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, vai trò và mức độ tham gia của các bị cáo trong vụ án. Vì vậy, cần phải xem xét sửa bản án sơ thẩm, tăng mức hình phạt đối với các bị cáo phạm tội cố ý gây thương tích. Về mức bồi thường của bản án sơ thẩm thấy một số khoản có hóa đơn chứng từ hợp lệ chưa được chấp nhận; cấp sơ thẩm chưa xem xét cho bị hại một khoảng thời gian nghỉ dưỡng bệnh sau khi điều trị tại bệnh viện (có thể xem xét cho bị hại được nghỉ thêm 15 ngày), tiền thu nhập bị mất trong thời gian nghỉ dưỡng bệnh tại nhà; tiền vá màng nhĩ cũng như tiền đi lại chữa bệnh chưa hợp lý, vì vậy cần sửa mức bồi thường thiệt hại. Đề nghị HĐXX:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a, b khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị hại, sửa một phần bản án sơ thẩm như sau:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 (người bị hại có lỗi) Điều 51; Điều 55; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn A từ 12 đến 14 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích và 26 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng; tổng hợp hình phạt của

2 tội, buộc bị cáo phải chấp hành tù từ 38 đến 40 tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt tạm giam 07/9/2020.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Văn Q từ 9 đến 12 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích và 26 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng; tổng hợp hình phạt của 2 tội, buộc bị cáo phải chấp hành tù từ 35 đến 38 tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt tạm giam 07/9/2020.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 (bị cáo đầu thú) Điều 51; Điều 55; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T từ 08 đến 10 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích và 24 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng; tổng hợp hình phạt của 2 tội, buộc bị cáo phải chấp hành tù từ 32 đến 34 tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ 09/4/2021.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 (bị cáo đầu thú) Điều 51; Điều 55; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 08 đến 10 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích và 25 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng; tổng hợp hình phạt của 2 tội, buộc bị cáo phải chấp hành tù từ 33 đến 35 tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ 20/10/2020.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 (bị cáo đầu thú) Điều 51; Điều 55; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Văn V từ 09 đến 12 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích và 25 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng; tổng hợp hình phạt của 2 tội, buộc bị cáo phải chấp hành tù từ 34 đến 37 tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ 20/10/2020.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 (bị cáo đầu thú) Điều 51; Điều 55; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Văn K từ 09 đến 12 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích và 25 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng; tổng hợp hình phạt của 2 tội, buộc bị cáo phải chấp hành tù từ 34 đến 37 tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ 20/10/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 590 Bộ luật dân sự.

Chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại của anh Nguyễn Văn S: Buộc các bị cáo Nguyễn Tuấn A, Vũ Văn Q, Nguyễn Văn H, Bùi Văn K, Lò Văn V, Nguyễn Ngọc T phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Văn S tổng số tiền: 60.174.789 đồng (trong đó đã bao gồm 500.000 đồng tiền bồi thường mất camera).

Chấp nhận sự tự nguyện của các bị cáo Nguyễn Tuấn A, bị cáo Vũ Văn Q, bị cáo Nguyễn Văn H, bị cáo Bùi Văn K, bị cáo Lò Văn V, bị cáo Nguyễn Ngọc T

bồi thường cho anh S tổng số 25.000.000 đồng (đã nộp tại Cơ quan THS dân sự huyện C), các bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường 35.174.789 đồng.

Về án phí: Bị hại không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm, trả lại cho anh S 500.000 đồng nộp tạm ứng án phí dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong thời hạn luật định, là kháng cáo hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, bị cáo N có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo, Tòa án đã ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo N.

[2]. Về nội dung: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại cấp sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, thể hiện diễn biến nội dung vụ việc và hành vi của các bị cáo như sau: Tuấn A và các bị cáo trong vụ án đều là bạn bè xã hội. Trưa ngày 23/8/2020, khi L điện cho M nói về việc điều tiếp viên, anh S có lời nói với M về việc *không hài lòng với nhóm của Tuấn A nhiều việc rồi, không việc gì phải hỏi Tuấn A, Tuấn A chỉ là con tao*. Tối cùng ngày, tại quán hát Karaoke tại khu vực huyện V, tỉnh Hưng Yên gồm Tuấn A cùng M, H, N, Q, C, D, M kể lại cho Tuấn A nghe nội dung anh S đã nói. Tuấn A gọi cho vợ chồng anh S lời qua tiếng lại và bảo với anh em có mặt là: *đi về nhà S xem ai là bố, ai là con* thì tất cả đồng ý đi về nhà trọ của M, lấy hung khí mang theo. Khoảng thời gian từ 23 giờ 40 phút đến 23 giờ 55 phút ngày 23/8/2020, Nguyễn Tuấn A, Vũ Văn Q, Nguyễn Văn H, Bùi Văn K, Lò Văn V, Nguyễn Ngọc T, Phạm Huy N, Nguyễn Duy M đi xe mô tô và ô tô, mang theo gậy bóng chày, tuýp sắt, dao, đi từ thôn B, xã Đ, huyện C đến khu vực trước cổng nhà anh Nguyễn Văn S, ở thôn Q, xã L, huyện C, gọi chửi bới, thách thức, đe dọa, sau đó đuổi đánh anh S từ ngoài lán xe vào trong nhà tiếp tục đánh vào mặt và người anh S. Hậu quả anh S bị tổn hại 10% sức khỏe.

2.1. Về tội danh và xác định đồng phạm trong vụ án: Các bị cáo trong vụ án đều biết rõ mâu thuẫn giữa Tuấn A và anh S. Tại quán Karaoke, Tuấn A đã rủ các bị cáo khác cùng đi về nhà anh S để giải quyết mâu thuẫn, đánh anh S. Các bị cáo khác tiếp nhận ý chí cùng về nhà trọ của M, chuẩn bị hung khí để đi cùng Tuấn A. Mặc dù Tuấn A có lời nói không cho các bị cáo đi cùng nhưng các bị cáo vẫn mang theo hung khí và đi ngay sau Tuấn A. Khi Tuấn A và tất cả 7 bị cáo khác trong vụ án cùng đối tượng tên C, D (chưa làm rõ nhân thân lai lịch) có mặt tại nhà anh S tham gia đánh anh S hoặc hỗ trợ cho các việc đánh anh S thì Tuấn A không có việc can ngăn, đồng tình để các bị cáo cùng thực hiện hành vi. Lời khai của các

bị cáo trong vụ án đều thể hiện ý thức biết Tuấn A đi đánh anh S, vì Tuấn A là anh cả nên đi để hỗ trợ, tham gia cùng đánh S. Thực tế, việc đồng phạm của các bị cáo thể hiện ngay từ khi tiếp nhận ý chí, chuẩn bị hung khí và thực hiện hành vi đánh hoặc hỗ trợ để nhóm Tuấn A đánh anh S tại nhà bị hại.

Xem xét cụ thể đối với hành vi của N và M thấy rằng: N, M đều biết mâu thuẫn giữa Tuấn A và anh S, đã tiếp nhận ý chí của Tuấn A và các bị cáo khác đến nhà anh S để đánh anh S, nên khi Tuấn A cầm dao, lấy xe máy đi thì N cũng lấy xe máy ở sân phòng trọ chờ K cầm dao đi theo sau. Khi đến cổng nhà anh S, thấy Tuấn A và anh S đều cầm hung khí và đang cãi chửi nhau, N không can ngăn Tuấn A quay về, không giằng dao của Tuấn A cất đi mà xông vào ôm giữ tay phải anh S, giằng dao trên tay anh S tạo điều kiện cho Tuấn A vào tát anh S và ngay sau đó các bị cáo khác cầm hung khí xông vào vụt đánh anh S. Năng tiếp nhận ý chí của Tuấn A và đồng bọn đã cầm dao đi cùng đến nhà anh S. Mặc dù Năng không trực tiếp đánh S nhưng M cầm dao đứng ngoài cửa, lời khai của M đều xác định bị cáo đứng đó để hỗ trợ Tuấn A, nếu anh S đánh nhóm Tuấn A thì M hỗ trợ đánh lại, và ngăn chặn không cho người khác vào can ngăn. Như vậy, hành vi của N, M đã trực tiếp tham gia tích cực, hỗ trợ giúp sức cho Tuấn A và đồng bọn gây thương tích cho bị hại, nên phải xác định là đồng phạm với Tuấn A và các bị cáo khác về tội Cố ý gây thương tích theo điểm a khoản 1 Điều 134 BLHS.

Hành vi của Tuấn A và đồng phạm đã xâm phạm đến sức khỏe của bị hại; hành vi của các bị cáo dùng hung khí làm âm ỉ giữa đêm khuya đã gây ảnh hưởng xấu đến trật tự công cộng, quy tắc, sinh hoạt khu dân cư; gây bức xúc trong nhân dân và chính quyền địa phương. Các bị cáo dùng gậy bóng chày, tuýp sắt, dao tấn công bị hại dẫn đến hậu quả anh S bị thương tích 10% nên thuộc trường hợp “dùng hung khí nguy hiểm”. Nên hành vi của 8 bị cáo trong vụ án là Nguyễn Tuấn A, Vũ Văn Q, Nguyễn Văn H, Bùi Văn K, Lò Văn V, Nguyễn Ngọc T, Phạm Huy N và Nguyễn Duy M đều phạm các tội “*Gây rối trật tự công cộng*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 BLHS và tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm a khoản 1 Điều 134 BLHS. Cấp sơ thẩm không xem xét đối với tội Cố ý gây thương tích của M, N là bỏ lọt tội phạm, không đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

Đối với hành vi cố ý gây thương tích của bị cáo M, N: Tòa án huyện C đã trả hồ sơ điều tra bổ sung yêu cầu khởi tố 2 bị cáo trên, nhưng Viện kiểm sát nhân dân huyện C không chấp nhận. Căn cứ Điều 298 Bộ luật tố tụng Hình sự quy định về giới hạn của việc xét xử nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố là phù hợp pháp luật. Tuy nhiên tại bản án sơ thẩm không kiến nghị cơ quan điều tra, truy tố xử lý hành vi của M, N là thiếu sót, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

2.2. Về việc định giá mắt Camera: Tại hồ sơ vụ án đã làm rõ: Quá trình gây thương, gây rối các bị cáo có hành vi chọc mắt camera rơi xuống làm hỏng camera,

gây thiệt hại cho gia đình bị hại. Quá trình điều tra, bị hại có yêu cầu định giá tài sản và đã cung cấp giấy xác nhận của người lắp đặt Camera cho anh S trong đó đã xác định tên hiệu, giá trị, thời gian lắp (BL538) nên theo Điều 17 Nghị định 30/NĐ-CP ngày 07/3/2018 của Chính phủ là có thể định giá được. Do vậy, cần định giá để xử lý theo quy định của pháp luật đối với hành vi này và là căn cứ để xem xét yêu cầu bồi thường của anh S, chị Y.

2.3. Tại bản án sơ thẩm còn có những sai sót:

Về việc đánh giá vai trò đồng phạm của các bị cáo: Trong vụ án này, xác định Tuấn A thực hiện hành vi tích cực, giữ vai trò đầu vụ sau đó đến các bị cáo Q, N, T, M, H, K, V, nhưng tại bản án sơ thẩm việc phân hóa vai trò của các bị cáo chưa phù hợp, nên quyết định hình phạt đối với các bị cáo về tội Cố ý gây thương tích đều một mức hình phạt là không thể hiện được tính chất, mức độ hành vi và vai trò của từng bị cáo trong vụ án cũng như tính công bằng trong quyết định hình phạt.

Về án phí: Tại bản án sơ thẩm buộc bị hại phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe không được chấp nhận là không đúng vì đây không thuộc các trường hợp bị hại phải chịu án phí theo Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án lệ phí Tòa án. Bị hại khi kháng cáo về bồi thường không phải nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, nên cần trả lại cho bị hại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

2.4. Những thiếu sót do bỏ lọt tội Cố ý gây thương tích đối với bị cáo Thành, bị cáo Năng và việc chưa định giá tài sản bị thiệt hại là mất camera do hành vi của các bị cáo gây ra, tại cấp phúc thẩm không thể khắc phục được và do cần xem xét, đánh giá, sắp xếp vai trò của các bị cáo trong vụ án, nên cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại theo thủ tục chung.

[3] Do hủy bản án sơ thẩm nên HĐXX không xem xét giải quyết nội dung kháng cáo của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[4]. Về án phí: Do hủy án bản sơ thẩm nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án lệ phí Tòa án.

Trả lại bị hại 500.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, Điều 358 của Bộ luật tố tụng Hình sự.
2. Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 37/2021/HSST ngày 03/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện C tỉnh Hải Dương và chuyển hồ sơ vụ án để điều tra, xét xử lại theo thủ tục chung.

3. Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm.

Trả lại bị hại anh Nguyễn Văn S 500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0000416 ngày 10/8/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hải Dương.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. (Ngày 28/9/2021)/.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện C;
- CQCSĐT - CA huyện C;
- CQTHAHS- CA huyện C;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Luật sư;
- Lưu Tòa; lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Vũ Thị Yên